

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2020

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và ông Võ Hùng Định.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị R** - sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: thôn X, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở: thôn T, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Phạm V** - sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: thôn X, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã H), huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 19/9/2005. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà mẹ chồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đến đầu năm 2019, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh V hay ghen tuông, cả hai bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay giữa chị và anh V không còn sống chung với nhau, không quan tâm lẫn nhau. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh V được nữa, hôn nhân không đạt được. Yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân anh chị có 02 con chung tên Phạm Hoàng Anh V – sinh ngày 30/01/2006 và Phạm Nguyễn Vũ B – sinh ngày

09/7/2009. Cháu V đang sống cùng anh V, cháu B đang sống cùng chị. Tại đơn khởi kiện chị có trình bày, các con muốn sống cùng ai thì chị đồng ý theo nguyện vọng của con. Ngày 06/10/2020, cháu V có đơn nguyện vọng muốn sống cùng ba. Chị đồng ý nhường quyền nuôi cháu V cho anh V. Chị đồng ý nuôi dưỡng cháu B. Chị và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Phạm V nhưng anh V không đến Tòa án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Chị R, có đơn xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu. Anh V vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị R khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm V. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị R có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị R và anh V xảy ra mâu thuẫn chị R có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị R và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã H), huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 19/9/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị R đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do ghen tuông, cả hai bất đồng quan điểm. Hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau, giữa anh chị không tin tưởng lẫn nhau. Hội đồng xét xử thấy giữa chị R và anh V không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị R.

Về con chung: Chị R và anh V có 02 con chung tên Phạm Hoàng Anh V – sinh

ngày 30/01/2006 và Phạm Nguyễn Vũ B – sinh ngày 09/7/2009. Cháu V có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng ba, cháu B có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ, bên cạnh đó chị R cũng đồng ý với nguyện vọng của các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của các con chung Giao cháu V cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu B cho chị R tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: chị Nguyễn Thị R phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Nguyễn Thị R được ly hôn với anh Phạm V.

* Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Anh V – sinh ngày 30/01/2006 cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Nguyễn Vũ B – sinh ngày 09/7/2009 cho chị R tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

* Về án phí: chị Nguyễn Thị R phải chịu **300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)** án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2019/0004360 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị R đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. A (2);
- THADS h. A (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã H (1);
- Lưu hồ sơ (2); Ấn Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương